CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER PHÍA NAM
(VICONSHIP SAI GON)

V/v: Giải trình chênh lệch sau kiểm toán
Về báo cáo tài chính bán niên năm 2010

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 08 năm 2010

Kính gửi: - **Ủy ban chứng khoán nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Container Phía nam (Viconship Saigon) xin giải trình chênh lệch giữa số liệu đã công bố thông tin trước khi kiểm toán với số liệu sau khi kiểm toán về báo cáo tài chính bán niên 2010 như sau:

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ngày 30/6/2010

Chỉ tiêu	Số liệu chưa kiểm toán lũy kế 6 tháng đầu năm 2010 (VNĐ)	Số liệu sau kiểm toán bán niên năm 2010 (VNĐ)	Chênh lệch Tăng (+)/giảm (-) (VNĐ)	Nguyên nhân Chênh lệch
I- TÀI SẢN				
1-Hàng tồn kho	1.894.410.047	2.903.134.514	1.008.724.467	Do nhập lại kho số dầu nhờn đã mua cấp cho tàu nhưng còn tồn trên tàu, chưa sử dụng
2- Tài sản cố định hữu hình	485.288.801.838	456.810.848.323	(28.477.953.515)	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
+ Nguyên giá	588.290.844.808	559.379.216.870	(28.911.627.938)	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(103.002.042.970)	(102.568.368.547)	433.674.423	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
3- Bất động sản đầu tư		28.477.953.515	28.477.953.515	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
+ Nguyên giá	0	28.911.627.938	28.911.627.938	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
+ Giá trị hao mòn lũy kế	0	(433.674.423)	(433.674.423)	Do phân loại lại tài sản (Tòa nhà số 6-8 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP.HCM) sang bất động sản đầu tư
4- Chi phí trả trước dài hạn	25.749.323.015	37.388.536.349	11.639.213.334	Do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ theo tỷ giá liên NH ngày 30/6/2010
Tổng cộng tài sản	**535.051.763.496**	**547.699.701.297**	**12.647.937.801**	**Do các chi tiết phía trên thay đổi**

II- NGUỒN VỐN				
1/- Vay và nợ ngắn hạn	23.308.829.430	24.199.029.888	890.200.458	Chênh lệch tỷ do đánh giá lại khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ đến hạn trả năm 2010
2/- Chi phí phải trả	3.047.768.741	3.936.329.070	888.560.329	Trích trước thêm các chi phí theo đúng niên độ các chi phí thuộc 6 tháng đầu năm 2010 nhưng chi trong tháng 7 năm 2010
3- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.543.863.485	8.004.203.485	1.460.340.000	Do phân loại lại doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn sang phải trả phải nộp khác
4/- Vay và nợ dài hạn	346.300.375.498	357.939.588.832	11.639.213.334	Do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ theo tỷ giá liên NH ngày 30/6/2010
5/- Doanh thu chưa thực hiện	1.460.340.000		(1.460.340.000)	Do phân loại lại doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn sang phải trả phải nộp khác
6/- Lợi nhuận chưa phân phối	(23.793.068.327)	(24.563.104.647)	(770.036.320)	Do kết quả sản xuất kinh doanh thay đổi
Tổng cộng nguồn vốn	**535.051.763.496**	**547.699.701.297**	**12.647.937.801**	**Do các chi tiết phía trên thay đổi**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1-D.thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.727.567.047	43.727.567.047	0	
2-Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0	
3-Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.727.567.047	43.727.567.047	0	
4-Giá vốn hàng bán	47.969.481.955	47.470.421.770	(499.060.185)	+ Tăng 220.548.000 đồng (do đưa về đúng niên độ những hóa đơn tháng 6/2010 nhưng chi vào tháng 7/2010) + Tăng 289.116.282 đồng do phân loại lại từ chí phí quản lý doanh nghiệp + Giảm 1.008.724.467 (do nhập lại dầu nhờn đã xuất dùng nhưng còn tồn trên tàu ngày 30/6/2010)
5-LN gộp về bán hàng và cung cấp Dvụ	(4.241.914.908)	(3.742.854.723)	(499.060.185)	Do giá vốn hàng bán giảm
6-Doanh thu hoạt động tài chính	472.362.967	472.362.967	0	
7-Chi phí tài chính	12.784.573.167	14.221.149.590	1.436.576.423	+ Tăng 890.200.458 đồng tiền chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay dài hạn bằng ngoại đến hạn trả năm 2010 theo tỷ giá ngày 30/6/2010 + Tăng 546.375.965 đồng do trích trước lãi vay phải trả đến 30/6/2010

8-Chi phí bán hàng	430.944.539	430.944.539	0	
9-Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.203.560.925	3.036.081.007	(167.479.918)	+ Tăng 121.636.364 đồng do trích trước tiền thuê văn phòng. + Giảm 289.116.282 đồng do phân loại lại lên giá vốn hàng bán
10-Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(20.188.630.572)	(20.958.666.892)	(770.036.320)	Do chi phí thay đổi
11-Thu nhập khác	2.000.000	2.000.000		
12-Chi phí khác			0	
13-Lợi nhuận khác	2.000.000	2.000.000	0	
14-Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.186.630.572)	(20.956.666.892)	(770.036.320)	Do chi phí thay đổi
15-Thuế thu nhập doanh nghiệp				
16-Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(20.186.630.572)	(20.956.666.892)	(770.036.320)	Do chi phí thay đổi
17-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.828)	(1.898)	(70)	Do chi phí thay đổi
18-Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu HCQT, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER PHÍA NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Cáp Trọng Tuấn